

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2023/DS-PT

Ngày: 27 -9-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thuê
khoán và yêu cầu bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do tài
sản bị xâm phạm*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Dư Thành Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 240/2023/QĐ-PT ngày 05/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 413/2023/QĐ-PT ngày 19/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần C; địa chỉ: Số A, đường Q, phường B, B, Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng N, sinh năm 1970; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà Đ, Tổ E, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Tuấn M, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Á, đường N, L, B, Lâm Đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Quang V - Công ty L; địa chỉ: 3 V, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3.3. Chị Nguyễn Thị Hạnh D, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Anh Nguyễn Văn Ngọc D1, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Vũ Duy N1, sinh năm 1968; địa chỉ: Số F Thôn I, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Theo đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

(Ông M, ông Đ, bà H, Luật sư V có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/12/2020 Công ty cổ phần C ký kết hợp đồng thuê khoán vườn chè số 141/3/HĐK/CPC với ông Nguyễn Văn Đ có nội dung Công ty giao cho ông Đ nhận khoán diện tích đất trồng chè TB14, trồng năm 2003 tại lô 55 thửa 89 và 110 tờ bản đồ 48 tại thôn T xã L huyện B tỉnh Lâm Đồng, diện tích giao khoán 1.746 m², số lượng cây còn sống 1397, sản lượng 1.409 kg/năm, chất lượng vườn cây khi giao khoán sinh trưởng phát triển tốt không sâu bệnh. Ngoài ra hợp đồng còn quy định nghĩa vụ nộp sản lượng, thời hạn hợp đồng quyền và nghĩa vụ của các bên xử lý vi phạm hợp đồng.

Ngày 2/7/2021, Công ty T1 kiểm tra hiện trạng thực tế một số cá nhân giao nhận khoán trong đó có ông Đ, công ty đã phát hiện ông Đ tự ý đốn hạ toàn bộ cây chè đã nhận khoán để chuyển đổi trồng cây cà phê; ngày 06/7/2021 Công ty thông báo về việc ông Đ vi phạm hợp đồng thuê khoán, ngày 15/7/2021 Công ty

tổ chức họp yêu cầu ông Đ chấm dứt thỏa thuận giao khoán bồi thường thiệt hại và trả lại vườn cây cho Công ty nhưng ông Đ không thực hiện; ngày 23/8/2021, Công ty thông báo số 141 chấm dứt hợp đồng thuê khoán với ông Đ.

Do ông Đ chặt phá vườn chè chuyên đổi trồng cây cà phê gây thiệt hại cho công ty đã vi phạm giao kết giữa hai bên theo quy định tại Điều 3 Điều 4 của Hợp đồng.

Theo kết quả đo đạc ngày 23/3/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B xác nhận ngày 03/4/2023 diện tích thực tế ông Đ sử dụng sau khi nhận khoán là 1.706,5m² thuộc một phần thửa 89 tờ bản đồ 48 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất ông Đ có trồng 459 cây cà phê ghép 12, cây mít thái, 27 cây bơ, 02 cây sầu riêng thái, 107 cây thân tài, 4 cây gòn và 05 cây chè cảnh TB 14 còn sống.

Công ty yêu cầu chấm dứt hợp đồng nhận khoán đã ký kết số 141/3/HĐK/CPC ngày 01/12/2020 giữa Công ty cổ phần C với ông Nguyễn Văn Đ, yêu cầu ông Đ giao lại toàn bộ diện tích, cây trồng còn lại trên đất đã nhận khoán thuộc một phần thửa 89, 110 tờ bản đồ 48 tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; buộc ông Đ bồi thường thiệt hại giá trị đầu tư cho Công ty cổ phần C toàn bộ cây giống TB14 đã bị chặt do vi phạm khoản b Điều 4 Hợp đồng, giá cây chè được tính (46.400đ x 1.397 cây) x 200% là 129.641.600đ.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện Công ty cổ phần C cung cấp gồm: Bản photo Hợp đồng khoán vườn cây số 141 ngày 1 tháng 12 năm 2020, đơn xin chuyển tên hợp đồng khoán vườn cây của bà Vũ Thị T, biên bản làm việc ngày 2 tháng 7 năm 2021, thông báo số 816 ngày 6 tháng 7 năm 2021, thông báo số 82 ngày 6 tháng 7 năm 2021, biên bản họp ngày 15 tháng 7 năm 2021, quyết định số 141 ngày 23 tháng 8 năm 2021.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thu H trình bày:

Năm 2018, vợ chồng ông Đ bà H nhận chuyển nhượng vườn chè nói trên từ bà Vũ Thị T khi nhận chuyển nhượng chè đã chết khoảng 80%, còn lại 20% cây chè đều èo uột, sinh trưởng phát triển kém, không có năng suất. Do đó, vợ chồng ông Đ, bà H đã nhổ bỏ toàn bộ cây chè lại và trồng toàn bộ cà phê trên diện tích thuê khoán. Năm 2020, khi vườn cà phê sinh trưởng phát triển tốt thì ngày 01/12/2020 vợ chồng ông Đ bà H mới được Công ty cho ký hợp đồng. Tuy nhiên, hợp đồng lại ghi diện tích đất trồng chè TB14 số lượng cây còn sống 1397, sản lượng 1.409 kg/năm, chất lượng vườn cây khi giao khoán sinh trưởng phát triển tốt không sâu bệnh là không đúng.

Trước khi ký hợp đồng, vợ chồng ông Đ bà H đã trồng toàn bộ cây cà phê từ năm 2018 nhưng công ty cho rằng vợ chồng ông Đ bà H vi phạm hợp đồng và khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng là không đúng. Do đó, vợ chồng ông Đ bà H không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty và mong muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Bà Vũ Thị T trình bày: Trước đây bà có nhận khoán đối với Công ty cổ phần C diện tích 1.746m² tại thửa 89, 110 tờ bản đồ 48 lô 55 như nói trên. Trong thời gian canh tác sử dụng, do công ty không hỗ trợ mặt kỹ thuật và nước tưới nền vườn cây của bà vào những năm quá nắng hạn đã chết khoảng 80%, đến năm 2018 được sự đồng ý của công ty bà đã chuyển nhượng lại diện tích này cho vợ chồng ông Đ bà H. Hiện trạng khi chuyển nhượng cây chè đã chết 80% chỉ còn lại khoảng 20% cây còn sống cũng trong tình trạng yếu ớt. Do không đủ sản lượng để đóng cho công ty nên vợ chồng ông Đ, bà H đã xin ý kiến của Đội trưởng là Vũ Duy N1 để chuyển sang cây cà phê. Được sự đồng ý của ông N1 nên vợ chồng ông Đ nhờ bỏ hết cây chè để trồng thay toàn bộ cây cà phê. Công ty khởi kiện cho rằng ông Đ vi phạm hợp đồng là không đúng vì đầu năm 2019 vợ chồng ông Đ đã chuyển trồng toàn bộ cây cà phê nhưng năm 2020 Công ty mới ký hợp đồng nhận khoán cho ông Đ.

3.2. Chị Nguyễn Thị Hạnh D và anh Nguyễn Văn Ngọc D1 trình bày: Trước khi nhận khoán, vườn chè được công ty cổ phần C cho bà Vũ Thị T thuê khoán. Khi đó, cây chè đã chết khoảng 80% đúng như bà T trình bày. Năm 2018, bố mẹ anh chị nhận khoán lại vườn chè này, năm 2019 được sự đồng ý của đội trưởng (ông N1) nên bố mẹ anh chị nhờ bỏ cây chè trồng toàn bộ cây cà phê. Năm 2020, bố mẹ anh chị và công ty M1 ký kết hợp đồng. Khi ký hợp đồng cây trồng trên đất toàn bộ là cây cà phê nên bố mẹ anh chị không vi phạm hợp đồng và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

3.3. Ông Vũ Duy N1 trình bày: Ông là đội trưởng đội sản xuất của Công ty cổ phần C được công ty giao trách nhiệm quản lý các lô, đồi chè cà phê mà công ty G cho các hộ dân trong đó hộ ông Nguyễn Văn Đ tại thôn T, xã L. Đối với các hợp đồng nhận khoán nói chung và những hộ nói trên để tạo thành vườn chè có thu hoạch thì vốn của công ty Đ1 là khoảng 60%, còn lại 40% là vốn chăm sóc đầu tư của các hộ nhận khoán được quy định tại điều 1 của hợp đồng nhận khoán. Theo hợp đồng, công ty chè có nghĩa vụ chuyển giao kỹ thuật chăm sóc phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho các hộ dân nhận khoán nhưng trên thực tế thì không thực hiện; công ty bao tiêu thu mua sản phẩm cho người dân cụ thể

thu mua chè búp tươi nhưng đến năm 2015 công ty chuyển sang thu tiền mặt điều này Lãnh đạo công ty chỉ đạo bằng miệng không có văn bản nào; thực tế các hộ nhận vườn canh tác sử dụng cho đến lúc đặt bút ký vào hợp đồng nhận khoán là một khoảng thời gian. Do đó, tại thời điểm ký hợp đồng nhận khoán số lượng cây chè thực tế còn sống so với số lượng cây chè ghi trong hợp đồng là khác nhau. Lý do là vì cây chè đã được trồng nhiều năm trước đó, trải qua thời tiết nắng hạn và thiếu hỗ trợ chăm sóc kỹ thuật phân bón, thuốc trừ sâu... của công ty C1 số lượng cây chè chết khoảng 40% đến 50%; ở những chỗ cây chè bị chết như trên thì các hộ nhận khoán đã trồng cây cà phê, sầu riêng, bơ ... để có nguồn thu nhập nộp cho công ty. Việc các hộ dân chuyển đổi cây trồng ông đã có danh sách đề nghị công ty cho phép người dân chuyển đổi cây trồng nhưng công ty chưa giải quyết.

Tại bản án số 25/2023/DS-ST ngày 13/6/2023, Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

- Chấm dứt thực hiện “*Hợp đồng khoán vườn cây*” số 141/3/HĐK/CPC ngày 01/12/2020 đã ký kết giữa Công ty cổ phần C với ông Nguyễn Văn Đ.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị Thu H phải trả lại diện tích đất nhận khoán 1.706,5m² thuộc một phần thửa 89 tờ bản đồ 48 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và giao toàn bộ cây trồng trên đất gồm có: 187 cây cà phê ghép, 04 cây gòn, 01 hàng thân tài 107 cây, 24 cây bơ ghép, 14 cây mít thái, 05 cây sầu riêng thái.

Có Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng xác nhận ngày 03/4/2023 kèm theo.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị Thu H bồi thường cho Công ty cổ phần C 13.550.900đ (Mười ba triệu năm trăm năm mươi ngàn chín trăm đồng).

- Buộc công ty cổ phần C thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị Thu H số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 200% cây chè theo hợp đồng giao khoán số số 141/3/HĐK/CPC ngày 01/12/2020 đã ký kết giữa Công ty cổ phần C với ông Nguyễn Văn Đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 23/6/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Nguyễn Văn Đ và đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần C đã thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án tới trước thời điểm nghị án Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đảm bảo về hình thức và thời hạn, đủ điều kiện theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 279, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc Công ty cổ phần C và ông Đ ký hợp đồng số 141 ngày 01/12/2020 về việc ông Đ nhận khoán vườn chè có diện tích đo đạc được thực tế 1.706,5m² thuộc một phần thửa 89 tờ bản đồ 48 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 1.397 cây chè TB14. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty C cho rằng ông Đ vi phạm nghĩa vụ nên Công ty chè khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng nhận khoán, buộc vợ chồng ông Đ, bà H giao lại toàn bộ diện tích đất nhận khoán 1.706,5m², cây trồng còn lại trên đất đã nhận khoán thuộc một phần thửa 89 tờ bản đồ 48 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Buộc vợ chồng ông Đ, bà H bồi thường thiệt hại giá trị đầu tư cho Công ty 50% cây chè giống TB14 tương đương số cây 698,5 cây với giá trị 40% giá trị theo kết quả định giá tại chứng thư tương đương 19.400đ/cây thành tiền là 13.550.900đ. Còn bị đơn ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của công ty chè nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ thì thấy rằng:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận với nhau về những vấn đề cụ thể như sau:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị Thu H đồng ý chấm dứt thực hiện “Hợp đồng khoán vườn cây” số 141/3/HĐK/CPC ngày 01/12/2020 đã ký kết giữa Công ty cổ phần C với ông Nguyễn Văn Đ.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị Thu H có nghĩa vụ trả lại diện tích đất nhận khoán 1.706,5m² thuộc một phần thửa 89 tờ bản đồ 48 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và giao toàn bộ cây trồng trên đất gồm có: 187 cây cà phê ghép, 04 cây gòn, 01 hàng thân tài 107 cây, 24 cây bơ ghép, 14 cây mít thái, 05 cây sầu riêng thái vào ngày 31/12/2023.

Công ty Cổ phần C đồng ý thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho bị đơn tổng số tiền là 170.000.000đ; Công ty nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng 32.481.000đ; tiền án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông Đ phải chịu thì Công ty nhận chịu thay toàn bộ.

Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với việc chấm dứt thực hiện hợp đồng giao khoán. Toàn bộ số tiền án phí này được Công ty Cổ phần C đồng ý nhận chịu thay.

Công ty Cổ phần C phải chịu 8.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền thanh toán giá trị cây trồng cho bị đơn.

Do sửa bản án nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 147, điều 148, Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Chấm dứt thực hiện “*Hợp đồng khoán vườn cây*” số 141/3/HĐK/CPC ngày 01/12/2020 đã ký kết giữa Công ty cổ phần C với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị Thu H có nghĩa vụ giao trả lại diện tích đất nhận khoán 1706,5m² thuộc một phần thửa 89 tờ bản đồ 48 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và giao toàn bộ cây trồng trên đất gồm có: 187 cây cà phê ghép, 04 cây gòn, 01 hàng thần tài 107 cây, 24 cây bơ ghép, 14 cây mít thái, 05 cây sầu riêng thái vào ngày 31/12/2023.

Có Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng xác nhận ngày 03/4/2023 kèm theo.

3. Công ty cổ phần C có nghĩa vụ thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Ngô Thị Thu H số tiền 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012908 ngày 27/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

Buộc Công ty cổ phần C phải chịu 8.800.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.542.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004360 ngày 18/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Công ty cổ phần C phải nộp tiếp 5.258.000đ án phí còn thiếu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- VKSND huyện Bảo Lâm (01);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (07);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Vân